

## Tài liệu tham khảo

- Bộ Công Thương Nhật Bản (MITI). (1985). *Keizai kyoryoku hakusho* (Sách trắng về Hợp tác kinh tế), Tokyo: MITI.
- Cornia, G.A., & Court, J. (2001). Inequality, growth and poverty in the era of liberalization and globalization (Bất bình đẳng, tăng trưởng và đói nghèo trong kỷ nguyên tự do hóa và toàn cầu hóa). Tóm lược chính sách UNU-WIDER số 4. Helsinki: United Nations University.
- Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) & Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. (2007). *The comprehensive urban development programme in Hanoi capital city of the Socialist Republic of Vietnam* (HAIDEP) (Chương trình phát triển đô thị tổng thể ở thủ đô Hà Nội, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), báo cáo cuối cùng của ALMEC, Nippon Koei và Yachiyo Engineering, SD/JR/07-24.
- Diễn đàn Phát triển Việt Nam (VDF). (2007). Supporting industries in Vietnam from the perspective of Japanese manufacturing firm (Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam dưới góc nhìn của các nhà sản xuất Nhật Bản). Trong K. Ohno (Chủ biên). *Xây dựng công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam* (Tập 1) (trang 1-28). Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Fujimoto, T. (2004). *Nihon no monozukuri tetsugaku* (Triết lý monozukuri của Nhật Bản). Tokyo: Nihon Keizai Shimbunsha.
- Fujimoto, T., & Shintaku, J. (2005). *Chugoku seizogyo no architecture bunseki* (Phân tích cấu trúc công nghiệp sản xuất Trung Quốc). Tokyo: Toyo Keizai Shimposha.
- Giang, T. L., & Duong, K. H. (Chủ biên). (2007). *Các vấn đề xã hội trong quá trình chuyển đổi và hội nhập kinh tế của Việt Nam* (Tập 1). Hà Nội: Diễn đàn Phát triển Việt Nam.
- Giang, T. L. (Ed.). (2007). *Các vấn đề xã hội trong quá trình chuyển đổi và hội nhập kinh tế của Việt Nam* (Tập 2). Hà Nội: Diễn đàn Phát triển Việt Nam.
- Huntington, S. P., & Nelson, J. M. (1976). *No easy choice: Political participation in developing countries* (Không dễ dàng lựa chọn: Tham gia chính trị ở các nước đang phát triển). Cambridge: Harvard University Press.
- Ishii, S. (2007). Tài liệu hội thảo CG 2007: *Hội thảo Nhóm các nhà tư vấn cho Việt Nam*. Hà Nội: IMF.
- Ichikawa, K. (2005). Building and strengthening supporting industries in Vietnam: A survey report (Xây dựng và tăng cường công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam: Báo cáo điều tra). Trong K. Ohno & V. T. Nguyễn (Eds.), *Improving industrial policy formulation* (Hoàn thiện chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam) (pp. 95-112). Hà Nội: Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.
- Maegawa, K. (1994). The continuity of cultures and civilization: An introduction to the concept of translative adaptation (K. Ohno & I. Ohno, biên dịch) (Tính liên tục của văn hóa và văn minh: Giới thiệu khái niệm về sự thích nghi chuyển đổi). *Hikaku Bunmei*, 10, 100-113.

- Murakami, Y. (1992). *Hankoten no seijikeizaigaku* (Kinh tế chính trị phân cổ điển) (Các tập 1-2). Tokyo: Chuo Koronsha, California: Stanford University Press.
- Murakami, Y. (1994). *Hankoten no seijikeizaigaku youkou: Raiseiki no tameno oboegaki* (Tóm lược về kinh tế chính trị phân cổ điển: Bản ghi nhớ cho thế kỷ tới). Tokyo: Chuo Koronsha.
- Nhóm làm việc chung về xe máy (JWG). (2007). *Vì sự phát triển vững mạnh của ngành công nghiệp xe máy Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC). (2006). *Vietnam no toshi kankyo* (Môi trường đầu tư ở Việt Nam). Tokyo: JICA.
- Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). (2007). *Key indicators 2007: Inequality in Asia* (Các chỉ số chính 2007: Bất bình đẳng ở Châu Á). Manila: ADB.
- Nguyễn, K. M., & Giang, T. L. (Chủ biên). (2007). *Technical efficiency and productivity growth in Vietnam: Parametric and non-parametric analyses* (Hiệu quả kỹ thuật và tăng trưởng năng suất ở Việt Nam: Phân tích tham số và phi tham số). Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Nguyễn, T. T. H. (2004). Is there a developmental threshold for democracy?: Endogenous factors in the democratization of South Korea (Có ngưỡng phát triển nào cho dân chủ?: Các yếu tố nội sinh trong quá trình dân chủ hóa ở Hàn Quốc). Trong ADB & VDF. *Which institutions are critical to sustain long-term growth in Vietnam?* (Thế chế nào cần thiết cho tăng trưởng ổn định lâu dài ở Việt Nam). Manila: Asian Development Bank.
- Nguyễn, T. X. T. (2007). Supporting industries: A review of concepts and development (Công nghiệp hỗ trợ: Khái niệm và sự phát triển). Trong K. Ohno (Chủ biên). *Building supporting industries in Vietnam* (Xây dựng công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam) (Tập 1) (trang 29-51). Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Ohno, K. (1996). *Shijo iko senryaku* (Chiến lược chuyển đổi sang thị trường). Tokyo: Yuhikaku.
- Ohno, K. (2000). *Tojokoku no globalization* (Toàn cầu hóa của các nước đang phát triển). Tokyo: Toyo Keizai Shimposha.
- Ohno, K. (2005). *Tojokoku Nippon no ayumi: Edo kara Heisei madeno keizai hatten* (Con đường Nhật Bản đã đi qua khi còn là nước đang phát triển: Tăng trưởng kinh tế từ thời kỳ Edo đến Heisei), Tokyo: Yuhikaku.
- Ohno, K. (Chủ biên). (2006). *Hoạch định chính sách công nghiệp ở Thái Lan, Malaysia và Nhật Bản: Bài học cho các nhà hoạch định chính sách Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Ohno, K. (Chủ biên). (2007). *Xây dựng công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam* (Tập 1). Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.

- Ohno, K., & Kojiro, S. (1997). *Higashi Asia no Kaihatsu Keizaigaku* (Kinh tế phát triển của Đông Á). Tokyo: Yuhikaku Arma.
- Ohno, K., & Ohno, I. (Biên tập). (1998). *Japanese views on economic development: Diverse paths to the market* (Quan điểm của Nhật Bản về phát triển kinh tế: Các con đường khác nhau đến thị trường). London: Routledge.
- Ohno, K., & Kawabata, N. (Biên tập). (2003). *Vietnam no kogyoka senryaku* (Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam). Tokyo: Nihon Hyoronsha.
- Ohno, K., & Nguyễn, V. T. (Chủ biên). (2005). *Improving industrial policy formulation* (Hoàn thiện chiến lược công nghiệp Việt Nam). Hà Nội: Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.
- Ohno, K., & Nguyễn, V. T. (Chủ biên). (2006). *Business environment and policies in Hanoi* (Môi trường và chính sách kinh doanh của Hà Nội). Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Ohno, K., & Fujimoto, T. (Eds.) (2006). *Industrialization of developing countries: Analyses by Japanese economists* (Công nghiệp hóa của các nước đang phát triển: Phân tích của các nhà kinh tế Nhật Bản). Tokyo: National Graduate Institute for Policy Studies (GRIPS) Development Forum.
- Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). (2006a). *Vietnam: 2006 article IV consultation—Staff report* (Việt Nam: Tư vấn Điều IV2006—Báo cáo), Báo cáo quốc gia IMF số 06/421.
- Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). (2006b). What drives inflation in Vietnam? A regional approach (Điều gì dẫn đến lạm phát ở Việt Nam? Tiếp cận theo khu vực). *Vietnam: selected issues*. Báo cáo quốc gia IMF số 06/422, trang 4-34.
- Sonobe, T., & Otsuka, K. (2006). *Cluster-based industrial development: An East Asian model* (Phát triển công nghiệp theo cụm: Mô hình Đông Nam Á). New York: Palgrave Macmillan.
- Viện Chiến lược Chính sách công nghiệp, Bộ Công Thương Việt Nam. (2007). Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp xe máy Việt Nam giai đoạn 2006-2015, có xét đến 2020. Hà Nội: VDF.
- Viện Nghiên cứu Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBICI). (2007). Survey report on the overseas business investment of Japanese manufacturing firms: Results of the 2007 (19th) foreign direct investment questionnaire (Báo cáo điều tra về đầu tư kinh doanh hải ngoại của các doanh nghiệp sản xuất Nhật Bản: Kết quả từ ngân hàng câu hỏi 2007 [lần thứ 19]). Báo cáo sơ bộ. Tokyo: JBICI.
- Yoshitomi, M., & Ohno, K. (1999). Capital-account crisis and credit crunch (Khủng hoảng tài khoản vốn và thắt chặt tín dụng). ADB-WP số 2. Tokyo: ADB.